

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Ôn; Ông Bùi Văn Thiệu.

*- Thư ký ghi phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hường - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm T, xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/5/2024.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: xóm T, xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Tuy hai bên đã rất cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả mà vẫn thường xuyên cãi vã, xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Quý Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 16/4/2011 và cháu Bùi Hà L, sinh ngày 01/7/2015. Kể từ khi ly thân, hai cháu ở cùng với tôi. Vợ chồng ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và chưa yêu cầu anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

***\* Tại biên bản xác minh ngày ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có nội dung:***

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung là

cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 16/4/2011 và cháu Bùi Hà L, sinh ngày 01/7/2015. Kể từ khi ly thân, các cháu sống cùng chị H ở nhà ông bà ngoại.

Về điều kiện nuôi con của anh T và chị H:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: T và chị H nhìn chung luôn giữ gìn tư cách, có lối sống hòa đồng với hàng xóm láng giềng. Anh T có đôi khi say rượu, gây sự với chị H.

- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: T và chị H có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra khi chưa vào mùa vụ thì anh T, chị H còn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Do đó, cả anh T, chị H đều đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: anh T, chị H có đủ điều kiện về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về chỗ ở: anh T, chị H có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con.

Về sự có mặt/vắng mặt của anh Bùi Văn T tại nơi cư trú: Kể từ khi Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị H và bị đơn anh Bùi Văn T đến nay anh T có mặt ở nơi cư trú, có đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Cán bộ Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T và tại UBND xã A theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Thanh H1 và cháu Bùi Hà L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con và anh T không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung; công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chi H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã A, huyện L, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, bất hòa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung là cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 16/4/2011 và cháu Bùi Hà L, sinh ngày 01/7/2015. Hiện nay, cả hai cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc,

giáo dục. Vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và chưa yêu cầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi vợ chồng ly hôn mà có con chung đủ 7 tuổi trở lên thì Tòa án bắt buộc phải xem xét nguyện vọng của con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Bùi Thanh H1 và cháu Bùi Hà L có nguyện vọng ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị H và anh T: Chị H có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra chị H còn làm thuê để kiếm thêm thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần giao hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con:* Do chị H chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh T chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

*[5] Về tài sản chung:* Không yêu cầu; Về công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

*[6] Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*[7] Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung, cấp dưỡng: Giao 02 con chung là cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 16/4/2011 và cháu Bùi Hà L, sinh ngày 01/7/2015 cho chị Bùi Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2024 trở đi cho đến khi các con chung 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Bùi Văn T chưa phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002197 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;  
- VKSND tỉnh Hòa Bình;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Ân Nghĩa (Theo Đăng ký kết hôn số 21/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**